TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 -11-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh.

Bà Phạm Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình – Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng *tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Tuấn Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 633/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 131 L, phường C, quận H, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 69/34 T, phường L, quận H, Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mậu H, sinh năm 1979; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 131 L, phường P, quận H, Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 1/155/229 X, phường D, quận L, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Mậu H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phan

Bội Châu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng vào ngày 09/10/2007; đến nay vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 19/2/2008 và Nguyễn Trang A, sinh ngày 27/6/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại số 1/155/229 M, phường D, quận L, Hải Phòng nhưng đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không còn hòa hợp. Hoàn cảnh kinh tế vợ chồng khó khăn, chị T muốn đi làm tại công ty để có thu nhập ổn định nhưng anh H không đồng ý, hơn nữa còn có thái độ tiêu cực, anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không còn chung thuỷ với chị. Từ đó anh H thường xuyên chửi bới, đánh đập chị T. Tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt, vợ chồng mất đi sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ cuối năm 2017 đến nay, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 19/2/2008 và Nguyễn Trang A, sinh ngày 27/6/2014. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T nhận nộp cả án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, tại các buổi làm việc, phiên họp và tại phiên tòa anh Nguyễn Mậu H đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng. Anh H biết việc chị T xin ly hôn anh, anh từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án với lý do không đồng ý ly hôn.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ của chính quyền địa phương và đại diện gia đình chị T, anh H: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng vào năm 2007, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, cách sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, đánh cãi chửi nhau. Chị T không quan tâm đến anh H, nghi ngờ anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ để ở. Chính quyền địa phương và hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đại diện gia đình chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H, đại diện gia đình anh H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh

chị về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tại phiên tòa: Những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà theo các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà theo các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Giao hai cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 19/2/2008 và Nguyễn Trang A, sinh ngày 27/6/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị T chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ánh T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Mậu H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Nguyễn Mậu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng vào năm 2007. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, không còn chung thuỷ với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, chính quyền địa phương nhiều lần khuyên giải nhưng không cải thiện được. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đây là lần thứ hai anh H vắng mặt tại phiên toà mà không có lý do, tự từ bỏ quyền lợi của mình trước tòa, đồng thời thể hiện anh H

không có thiện chí hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H là có căn cứ cần chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 19/2/2008 và Nguyễn Trang A, sinh ngày 27/6/2014. Theo chị T, từ khi chị cùng các con về nhà bố mẹ đẻ chị để sinh sống, anh H không quan tâm, chăm sóc, hỏi han cũng như cấp dưỡng cho các con. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng mẹ, do mẹ trực tiếp chăm sóc. Vì vậy, xét nguyện vọng của các cháu và yêu cầu của chị T , để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu cần giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Nguyễn Thị Ánh T ly hôn anh Nguyễn Mậu H.

2/ Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 19/2/2008 và Nguyễn Trang A, sinh ngày 27/6/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị T đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013408 ngày 27 tháng 8 năm 2019.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND phường Phan Bội Châu, Hồng Bàng, HP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Thường